

BẢO ĐẢM QUYỀN ĐẶC THÙ CỦA PHỤ NỮ BỊ BUỘC TỘI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

ThS. NGUYỄN CHÍ HIẾU*
ThS. BÀO ANH DUY**

Tóm tắt: Quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội là một trong những nội dung quan trọng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật tố tụng hình sự trên cơ sở giới. Bài viết giới thiệu các quan điểm khoa học trong và ngoài nước liên quan đến quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội; phân tích các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về nhóm quyền này, chỉ ra những hạn chế, đồng thời, kiến nghị giải pháp hoàn thiện, góp phần bảo đảm hơn nữa quyền con người của phụ nữ nói chung, quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội nói riêng.

Từ khóa: quyền con người; người bị buộc tội; phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; tố tụng hình sự.

Ngày nhận bài: 24/02/2025; Ngày hoàn thành biên tập: 03/3/2025; Ngày duyệt đăng bài: 04/3/2025

Abstract: Specific rights of accused women are one of crucial aspect showing humane nature of criminal procedure law, based on gender considerations. The article introduces domestic and international scientific perspectives on specific rights of accused women, analyses current Vietnamese criminal procedure law's regulations concerning these rights, shows limitations, and proposes solutions for improvement, contributing to more guaranteeing women's rights in general and the specific rights of accused women in particular.

Keywords: human rights; the accused; pregnant women or women nursing children under 36 months old; criminal proceedings.

Received: 24 February 2025; Editing completed: 03 March 2025; Accepted for publication: 04 March 2025.

Đặt vấn đề

Bảo đảm quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội trong tố tụng hình sự (TTHS) là một nội dung quan trọng trong pháp luật quốc tế về nhân quyền, là yêu cầu pháp lý quốc tế cho công tác bảo đảm quyền con người (QCN) của phụ nữ. Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ to lớn trong việc cải cách hệ thống pháp luật từ Hiến pháp, luật, cho tới các văn bản dưới luật với các quy định tương đối đầy đủ về QCN, nhằm tạo cơ sở pháp lý bảo vệ và thực thi các QCN nói chung và bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ nói riêng. QCN của phụ nữ trong TTHS giữ vị trí đặc biệt trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật hình sự, thể hiện rõ hai nội dung căn bản là “bình đẳng, không phân biệt đối

xử”¹ và “đặc thù”. Quyền đặc thù thể hiện việc bảo vệ người phụ nữ vì có những đặc điểm riêng vốn có về giới tính, vai trò giới trong gia đình và xã hội của họ.

Xét dưới góc độ nhân quyền, thì quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội trong TTHS phải được ghi nhận và bảo vệ đầy đủ về mặt lập pháp, sự thực thi chính xác về mặt hành pháp và bảo đảm tối đa về mặt tư pháp. Trước đây, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 cũng đã có các quy định theo tiêu chí quyền đặc thù để bảo vệ người phụ nữ, tuy nhiên, các quy định này vẫn còn chưa đầy đủ, do đó, thực tiễn thực

Bài viết nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Cần Thơ.

* Giảng viên chính Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ.

** Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

¹ Hiến pháp năm 2013.

hiện còn nhiều vướng mắc. BLTTHS Việt Nam năm 2015 đã có những bổ sung thêm các quy định này theo hướng tăng cường bảo đảm quyền đặc thù của phụ nữ, đặc biệt là người phụ nữ khi tham gia tố tụng với tư cách là người bị buộc tội. Tuy nhiên, nhóm tác giả thấy rằng, các quy định này hiện vẫn còn hạn chế, cần nghiêm túc đánh giá và đưa ra giải pháp hoàn thiện.

1. Đặc điểm quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam

Thứ nhất, quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội trong TTHS xuất phát từ những đặc điểm riêng về giới tính và công bằng về giới.

Một là, quyền được bảo hộ thiên chức làm mẹ, đây là quyền thiêng liêng chỉ dành cho phụ nữ. Đặc thù giới về sinh học và phân công vai trò giới hiện nay đã mang đến cho người phụ nữ quyền mang thai, sinh nở, cũng như quyền làm mẹ, chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ, mà nam giới không thể thay thế. Nhóm quyền này chỉ tồn tại trong một giai đoạn nhất định trong cuộc đời của người phụ nữ, nhưng có thể bị tổn thương hoặc bị tước đoạt vĩnh viễn một cách vô tình, bằng một phán quyết của cơ quan tư pháp. Khi tham gia quan hệ pháp luật TTHS, phụ nữ trong giai đoạn mang thai là thời điểm vô cùng “yếu đuối”, dễ bị xâm hại, tổn thương, đòi hỏi phải có sự quan tâm bảo hộ đặc biệt. Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền đã khẳng định: “*Các bà mẹ và trẻ em có quyền được hưởng sự chăm sóc và giúp đỡ đặc biệt*” và được quy định triệt để hơn trong Công ước của Liên hợp quốc về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (Convention on the Elimination of all forms of Discrimination

against Women - CEDAW), đó là, phụ nữ có “*quyền được bảo vệ chức năng sinh sản*”², đồng thời, nêu rõ các nước “*thông qua những biện pháp đặc biệt nhằm bảo vệ thiên chức làm mẹ... sẽ không bị coi là phân biệt đối xử*”³.

Hai là, quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội trong TTHS có nguy cơ bị lạm dụng, xâm hại cao. Sở dĩ như vậy là do hệ thống TTHS với sự thống trị của nam giới từ bộ máy cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) (nam giới làm việc trong lĩnh vực điều tra, kiểm sát và xét xử thường chiếm tỷ lệ cao hơn nữ giới) đến đối tượng của hoạt động TTHS cũng được xã hội mặc định áp dụng với nam giới, vì tội phạm là nam luôn chiếm tỷ lệ lớn, nên khi phụ nữ tham gia vào quá trình này, sẽ có nguy cơ bị lạm dụng rất cao, do mang đặc thù giới tính. Hơn nữa, định kiến giới vẫn còn tồn tại khiến phụ nữ bị phân biệt đối xử và không được tôn trọng trong xã hội, quan niệm về địa vị thấp kém của phụ nữ dù không phải là những đặc tính bẩm sinh, nhưng lại được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, trong khi bản thân phụ nữ cũng không biết, không dám bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Thứ hai, quyền đặc thù của phụ nữ được thể hiện thông qua các quy định về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam.

Xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ đang ở trong những thời kỳ đặc biệt (có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng), xuất phát từ chính sách nhân đạo của Nhà nước, mà BLTTHS năm 2015 có những quy

² Công ước của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ năm 1979.

³ Liên hợp quốc, *lđđ* (2).

định mang tính “ưu tiên” đối với người phụ nữ, khi họ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, hoặc khi họ tham gia với tư cách là người bị buộc tội. Theo đó, bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi mà có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng, thì không tạm giam, mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác⁴; phụ nữ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì không thực hiện áp giải, người chỉ huy việc áp giải lập biên bản (kèm theo bản sao giấy khám thai đối với trường hợp đang có thai hoặc bản sao giấy chứng sinh, hay bản sao giấy khai sinh của con đối với trường hợp đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi) có xác nhận của chính quyền địa phương, của cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc và thông báo bằng văn bản cho cơ quan tiến hành TTHS yêu cầu bắt, áp giải biết⁵. Quy định này đã thể hiện khá rõ quyền đặc thù đối với phụ nữ. Bởi vì, trong điều kiện giam giữ, người phụ nữ không thể bảo đảm được sức khỏe, tâm lý và các nhu cầu sinh hoạt khác của một người đang mang thai và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và còn ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển của đứa trẻ. Phụ nữ đang có thai là đối tượng được chăm sóc đặc biệt cả về thể chất, tinh thần và trẻ em dưới 36 tháng tuổi hơn lúc nào hết rất cần sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Chỉ những người phụ nữ tiếp tục phạm tội và có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người

thân thích của những người này, mới bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Quyền được bảo hộ thiên chức làm mẹ, cũng đòi hỏi pháp luật phải bảo vệ cơ hội được làm mẹ của người phụ nữ, mà không được tước đoạt nó một cách tùy tiện.

Bên cạnh việc quy định về biện pháp tạm giam đối với phụ nữ trong BLTTHS năm 2015, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 về quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam. Trong đó, ngoài những tiêu chuẩn chung, người bị tạm giữ, tạm giam là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi được hưởng thêm 30% định lượng về thực phẩm thịt, cá. Người sinh con khi bị tạm giữ, tạm giam được thanh toán viện phí và bồi dưỡng bằng hiện vật giá trị tương đương 30kg gạo tẻ loại trung bình. Nếu là phụ nữ, thì được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ giá trị tương đương 2kg gạo tẻ loại trung bình/01 tháng. Những quy định trên đã cho thấy, pháp luật Việt Nam rất chú trọng đến việc bảo đảm quyền cho phụ nữ nói chung và trong quá trình giam giữ nói riêng.

Thứ ba, quyền đặc thù của phụ nữ được thể hiện thông qua các quy định về áp dụng biện pháp cưỡng chế khám xét và xem xét dấu vết trên thân thể.

Khoản 2 Điều 194 BLTTHS năm 2015 quy định, việc khám xét người phải do

⁴ Khoản 4 Điều 119 BLTTHS năm 2015.

⁵ Điểm b khoản 4 Điều 10 Quyết định số 1502/2008/QĐ-BCA ngày 10/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Công an về ban hành quy trình bắt, áp giải bị can, bị cáo, người có quyết định thi hành án phạt tù, dẫn giải người làm chứng của lực lượng cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp thuộc công an nhân dân theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

người cùng giới thực hiện và có người khác cùng giới chứng kiến. Khoản 2 Điều 203 BLTTHS năm 2015 quy định, việc xem xét dấu vết trên thân thể, phải do người cùng giới tiến hành và phải có người cùng giới chứng kiến. Việc quy định như vậy đã khẳng định rõ hơn, nhấn mạnh hơn về hoạt động khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể khi phụ nữ là đối tượng bị khám xét, hay xem xét dấu vết trên thân thể, thì phải do người cùng giới thực hiện và có người khác cùng giới chứng kiến. Các quy định này nhằm tăng cường bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị khám xét, đặc biệt là phụ nữ khi họ đang là những người “yếu thế” phải chịu áp dụng các biện pháp cưỡng chế của Cơ quan điều tra.

Quyền được tôn trọng về phẩm giá và nhạy cảm giới là quyền người phụ nữ được đòi hỏi cơ quan THTT phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm của mình, cho dù họ tham gia vào quá trình tố tụng với tư cách là người bị buộc tội, đồng thời, được bảo đảm áp dụng biện pháp điều tra, truy tố, xét xử có tính đến đặc điểm giới tính, như bảo đảm cán bộ điều tra thực hiện việc khám xét, xét hỏi, thực nghiệm điều tra phải là nữ, hay tham gia bào chữa tại phiên tòa và thành phần Hội đồng xét xử bắt buộc có đại diện của phụ nữ. Việc triển khai các thủ tục tố tụng và đưa ra những phán quyết, quyết định ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người phụ nữ, thì các quy phạm pháp luật điều chỉnh cũng như người THTT áp dụng pháp luật cần có đủ kiến thức và kỹ năng, có nhạy cảm giới, thì mới không vô tình xâm phạm đến QCN của phụ nữ. Người phụ nữ khi tiếp cận hệ thống TTHS cần được

đối xử bằng sự tôn trọng, duy trì phẩm giá và thực hiện công lý một cách vô tư, không định kiến, không áp dụng máy móc những quy định với mọi đối tượng mà không xét đến đặc thù giới.

Những quy định này đã thể hiện rõ nét sự “nhạy cảm về giới” trong quá trình xây dựng pháp luật, cũng như áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền. Cần nhấn mạnh rằng, đặc điểm này không hề có mâu thuẫn nội tại, khi mục đích của BLTTHS là tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho việc điều tra, truy tố, xét xử. Và như vậy, việc quy định thêm một số đặc thù cho phụ nữ bị buộc tội, suy cho cùng, cũng chỉ nhằm đáp ứng các cơ sở xác định quyền bình đẳng của họ trong TTHS; đồng thời, cũng nhằm bảo đảm việc điều tra, truy tố, xét xử diễn ra hiệu quả.

2. Một số hạn chế và kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trong việc bảo đảm quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội

Pháp luật TTHS Việt Nam trong những năm vừa qua đã có quy định kế thừa và phát triển các quy định, nhằm bảo đảm quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội trong TTHS, đặc biệt là những trường hợp họ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, trước những đòi hỏi của thực tế khách quan, nhiều quy định hiện chưa thực sự tiệm cận với yêu cầu của pháp luật quốc tế, hoặc chưa có các quy định giải quyết các nội dung mới phát sinh liên quan đến vấn đề này. Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả nêu ra, phân tích những hạn chế và kiến nghị giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về những vấn đề sau:

Thứ nhất, về bảo đảm quyền bào chữa

đối với người bị buộc tội là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 76 BLTTHS năm 2015, các trường hợp nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa, thì cơ quan có thẩm quyền THTT phải chỉ định người bào chữa cho họ: bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật Hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất, mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi.

Tuy pháp luật đã bảo đảm cho các nhóm người trên sẽ được chỉ định người bào chữa trong trường hợp người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa. Nhưng nhà làm luật đang bỏ qua nhóm người phụ nữ đang có thai và phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, cũng phải được hưởng quyền lợi này, để bảo đảm công bằng cho họ, nếu họ đang trong tư cách là người bị buộc tội. Người phụ nữ đang trong quá trình mang thai trong giai đoạn từ 07 tháng trở lên, thì thai kỳ của họ đang ở kích thước lớn, hoặc giai đoạn thai kỳ sắp sinh, nên việc đi lại, sinh hoạt cũng gây khó khăn hơn bao giờ hết. Kể cả trạng thái tâm lý của họ lúc này cũng không được ổn định, bởi các yếu tố tác động từ thai nhi, trạng thái cấu gât, trong khi họ còn phải làm việc, trao đổi lấy lời khai, chứng cứ và các thủ tục liên quan đến Cơ quan điều tra, nhằm làm rõ vụ án, những điều đó càng làm họ bị ức chế hơn về tâm trạng. Do đó, việc họ đi lại từ nơi ở, nơi làm việc đến cơ quan có thẩm quyền THTT, hoặc ở Tòa án để bản thân họ tự thực

hiện quyền bào chữa là không mấy khả quan. Còn phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì phải chăm sóc cho đứa con đang tuổi sơ sinh của mình, hoặc có trường hợp thực tế, những người phụ nữ này không có người thân thích để giúp họ chăm sóc con nhỏ cho họ (như đã ly hôn chồng, ở xa gia đình,...) Do đó, trong trường hợp này, phụ nữ rất dễ bị trầm cảm, kích động tinh thần sau khi sinh con, có thể có các tình huống xảy ra là người phụ nữ trầm cảm sau sinh. Trong lúc này, tâm lý phụ nữ dễ bị lo âu, chán nản, hay dễ bị kích động và rất khó tập trung. Vì vậy, họ khó có thể đủ thể trạng sáng suốt, đủ sự chuẩn bị để tự mình thực hiện tốt quyền bào chữa cho mình và điều này gây bất lợi cho họ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Từ phân tích trên, nhóm tác giả đề xuất, ngoài các trường hợp được chỉ định bào chữa theo quy định tại khoản 1 Điều 76 BLTTHS năm 2015, thì cần bổ sung thêm trường hợp cơ quan có thẩm quyền THTT phải chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội là phụ nữ đang mang thai và phụ nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi, nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa.

Thứ hai, về việc đồng bộ quy định về tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Biện pháp ngăn chặn tạm giữ được áp dụng để chuẩn bị các thủ tục khởi tố bị can, nếu xét thấy cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật. Khi bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc khi người có hành vi vi phạm pháp luật ra tự thú, đầu thú hoặc bị bắt theo quyết định truy nã, cơ quan chức năng có thẩm quyền

xét thấy cần xác minh các căn cứ để xem xét hành vi của họ có dấu hiệu phạm tội hay không, có cơ sở để khởi tố họ về một tội nào đó hay không... thì áp dụng biện pháp tạm giữ.

Đối với biện pháp tạm giữ, pháp luật không hạn chế đối tượng bị tạm giữ. Tuy nhiên, BLTTHS cũng quy định, trong trường hợp xét thấy không cần thiết phải tạm giữ, thì không áp dụng biện pháp tạm giữ⁶. Người phụ nữ mang thai gần đến ngày sinh, cần phải được chăm sóc y tế một cách đặc biệt, hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì đứa bé cũng rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Các trường hợp này có thể được xem là không cần thiết để áp dụng biện pháp tạm giữ.

BLTTHS không quy định về các trường hợp không tạm giữ đối với phụ nữ có thai, nhưng có quy định về trường hợp không áp dụng tạm giam đối với đối tượng này tại khoản 4 Điều 119 BLTTHS năm 2015. Theo đó, đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng, thì không tạm giam, mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ một số trường hợp: bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã; tiếp tục phạm tội; có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này; bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ, thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Theo khoản 4 Điều 118 BLTTHS năm 2015 thì *“một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam”*, sự khác biệt giữa hai biện pháp ngăn chặn này chủ yếu là thời gian tạm giam dài hơn thời gian tạm giữ nhiều lần, nhưng đều giống nhau về sự hạn chế đi lại và chăm sóc cuộc sống, chăm sóc y tế. Do vậy, theo nguyên tắc bảo đảm sức khỏe cho người bị tạm giữ, những trường hợp phụ nữ mang thai, thì cần thiết không bị giam, giữ, mà phải áp dụng biện pháp ngăn chặn khác. Đây là vấn đề của đạo đức, trách nhiệm, chứ không thuần túy là vấn đề pháp luật và pháp luật cũng không khuyến khích.

Có thể thấy, khi áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam hay tạm giữ, thì kể cả phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi cũng nên là đối tượng ngoại lệ khi áp dụng biện pháp ngăn chặn này. Các chuyên gia của Liên hợp quốc khuyến nghị rằng, quyết định tạm giữ cũng nên loại trừ đối tượng này⁷.

Với những lý do trên, nhóm tác giả cho rằng, BLTTHS Việt Nam cần thiết sửa đổi theo hướng đồng bộ quy định về tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Cụ thể, quy định biện pháp tạm giữ không được áp dụng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ các trường hợp: bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã; tiếp tục phạm tội; có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục

⁶ Xem: khoản 4 Điều 117 BLTTHS năm 2015.

⁷ Đỗ Thị Phương, *Quyền con người của phụ nữ trong tố tụng hình sự Việt Nam và một số biện pháp bảo đảm*, <https://tapchiquyenconnguoi.hcma.vn/Content/quyen-con-nguoi-cua-phu-nu-trong-to-tung-hinh-su-viet-nam-va-mot-so-bien-phap-bao-dam-255320>, truy cập ngày 16/02/2025.

người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này; bị bắt quả tang, tự thú, đầu thú về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ, thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

Thứ ba, về tham vấn tâm lý đối với người bị buộc tội là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Những hành vi phạm tội đều là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đi ngược lại với chuẩn mực đạo đức, nên những hành vi này nếu bị phát hiện, thì sẽ bị cả xã hội lên án, do đó, bất cứ một chủ thể nào thực hiện hành vi phạm tội, tùy vào từng động cơ, mục đích phạm tội của mình, thì sau khi thực hiện tội phạm, ít nhiều họ cũng sẽ xuất hiện những cảm xúc, tâm lý và nhận thức khác nhau. Điều này càng nặng nề thêm đối với người bị buộc tội là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, vào thời điểm người phụ nữ có thể cảm thấy mình như chìm vào nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau, trải qua cảm giác sợ hãi, mệt mỏi, buồn bã và nhiều hơn thế nữa, đặc biệt là khi bị tạm giữ, tạm giam.

Khi làm việc với cơ quan THTT, phụ nữ có thai thường có xu hướng căng thẳng, lo lắng. Sự căng thẳng trong tâm lý của họ bên cạnh do nguyên nhân mang thai, thì trong một số trường hợp nhất định, có thể xuất phát từ những hình ảnh về diễn biến và hậu quả của hành vi phạm tội. Họ phải đối mặt với những thay đổi về thể chất, tâm

lý, tình cảm và mối quan hệ. Nếu người phụ nữ căng thẳng dữ dội và kéo dài khi mang thai, điều này có thể ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của thai nhi, con cái của họ có nhiều khả năng khởi phát trầm cảm từ khi còn rất nhỏ. Tương tự, người bị buộc tội là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi cũng có thể có tâm trạng lo âu về tình trạng bị buộc tội của mình, ít nhiều ảnh hưởng đến tư duy, hành động trong việc chăm sóc con nhỏ. Trong trường hợp họ bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, có thể xuất hiện tâm trạng hoang mang, lo lắng, bất an khi bị giám sát ở các cơ sở giam giữ, nảy sinh cảm giác cô độc, mất phương hướng, tự ti.

Do đó, vấn đề tham vấn tâm lý đối với người bị buộc tội là phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi cần được đặt ra. Tham vấn tâm lý là quá trình hỗ trợ tinh thần cho con người, giúp họ vượt qua những thách thức về sức khỏe tâm thần như căng thẳng, trầm cảm, lo lắng và đau buồn⁸. Ở đây, với sự hợp tác và tôn trọng giữa tham vấn viên và người phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, tham vấn viên không chỉ quan sát, lắng nghe họ giải bày, mà còn đưa lời khuyên hoặc giải pháp tâm lý tốt nhất.

Thiết nghĩ, các quy định trong BLTTHS về phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, nhằm mục đích chính là tạo điều kiện thuận lợi cho người phụ nữ có điều kiện phát triển thai nhi hoặc chăm

⁸ Viện tâm lý Việt - Pháp, *Sự khác biệt giữa cố vấn, khai vấn và tham vấn tâm lý*, <https://tamlyvietphap.vn/su-khac-biet-giua-co-van-khai-van-tham-van-tam-ly/#:~:text=Tham%20v%E1%BA%A5n%20t%C3%A2m%20l%C3%BD%20l%C3%A0,kinh%20ngh%E1%BB%87m%20c%E1%BB%A7a%20ng%C6%B0%E1%BB%9Di%20kh%C3%A1c,truy cập ngày 19/02/2025>.

sóc con nhỏ được tốt nhất. Vì thế, nhóm tác giả đề xuất, nhà làm luật cần thiết nghiên cứu xây dựng quy định về tham vấn tâm lý đối với người bị buộc tội là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi như sau: (i) người tham vấn tâm lý là người tham gia tố tụng, được đào tạo chuyên ngành về tâm lý, được cơ quan có thẩm quyền THPT yêu cầu tham vấn tâm lý trong những trường hợp luật định⁹; (ii) các trường hợp cơ quan có thẩm quyền THPT phải yêu cầu tham vấn tâm lý đối với người bị buộc tội là phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, khi người bị buộc tội hoặc người thân thích của họ yêu cầu hoặc khi cơ quan, người có thẩm quyền xét thấy cần thiết; (iii) quy định về phòng tham vấn tâm lý (không gian) và thời gian tham vấn bảo đảm an toàn và được thấu hiểu, không có sự phán xét, nơi đây, phụ nữ có thể chia sẻ các vấn đề đang lo lắng, giúp họ cân bằng cảm xúc và ổn định tâm lý.

Kết luận

Pháp luật Việt Nam đã có những quy định về quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội trong TTHS, nhằm bảo đảm thực thi đầy đủ các nội dung của Hiến pháp và tương thích với các điều ước quốc tế về QCN của phụ nữ mà Việt Nam là thành viên. Hệ thống pháp luật trong TTHS cũng đã tính đến đặc thù giới tính nữ và vai trò người mẹ của phụ nữ bị buộc tội, nhằm bảo vệ quyền làm mẹ, quyền được chăm sóc con nhỏ,... Song, những quy định đó vẫn còn những hạn chế nhất định, mâu thuẫn về nội dung, chưa phù hợp với thực tế. Vì vậy, việc tiếp tục hoàn thiện các quy phạm pháp luật bảo đảm quyền đặc thù của phụ nữ bị buộc tội trong TTHS theo hướng bảo đảm tính khả thi, phù

hợp với xu thế phát triển chung là yêu cầu cấp thiết được đặt ra hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).
3. Quyết định số 1502/2008/QĐ-BCA ngày 10/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Công an về ban hành quy trình bắt, áp giải bị can, bị cáo, người có quyết định thi hành án phạt tù, dẫn giải người làm chứng của lực lượng cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp thuộc Công an nhân dân theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.
4. Charlotte Bunch and Samantha Frost, *Inter International Encyclopedia of Women: Global Women's Issues and Knowledge*, Women's human rights: An introduction, Routledge, năm 2000.
5. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, năm 2003.
6. Đỗ Thị Phương, *Quyền con người của phụ nữ trong tố tụng hình sự Việt Nam và một số biện pháp bảo đảm*, <https://tapchiquyenconnguoivn.hcma.vn/Content/quyen-con-nguoi-cua-phu-nu-trong-to-tung-hinh-su-viet-nam-va-mot-so-bien-phap-bao-dam-255320>, truy cập ngày 16/02/2025.
7. Nghị quyết A/RES/65/228 của Liên hợp quốc về tăng cường phòng ngừa tội phạm và ứng phó tư pháp hình sự với bạo lực đối với phụ nữ, http://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/65/228, truy cập ngày 10/01/2025.
8. Công ước của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ năm 1979.
9. Ngân hàng thế giới, *Việt Nam: Đánh giá Giới tại Việt Nam*, Hà Nội, năm 2011.
10. Trần Thị Hồng Lê, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền phụ nữ bằng pháp luật hình sự ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016.
11. Viện tâm lý Việt - Pháp, *Sự khác biệt giữa cố vấn, khai vấn và tham vấn tâm lý*, <https://tamlyvietphap.vn/su-khac-biet-giua-co-van-khai-van-tham-van-tam-ly/#:~:text=Tham%20v%E1%BA%A5n%20t%C3%A2m%20l%C3%BD%20l%C3%A0,kinh%20ngh%E1%BB%87m%20c%E1%BB%A7a%20ng%C6%B0%E1%BB%9Di%20kh%C3%A1c>, truy cập ngày 19/02/2025.

⁹ Ngoài trường hợp tham vấn tâm lý đối với người bị buộc tội là phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi như trong phạm vi kiến nghị của bài viết, nhóm tác giả cho rằng, quy định về tham vấn tâm lý cần thiết được xem xét nghiên cứu áp dụng cho cả người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất hoặc có nhược điểm về tâm thần, hoặc người bị buộc tội dưới 18 tuổi.